

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2024/HS-PT

Ngày 24 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Phương;

Bà Hoàng Thị Thu Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo **Nguyễn Đức T**; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 30-11-2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1999 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 0750990157XX; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai**; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn K** và bà **Nguyễn Thị H**; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 08-6-2022 đến ngày 11-6-2022; ngày 18-7-2023, bị bắt tạm giam; hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - **Công an tỉnh Đ**; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Nguyễn Đức T và Công Minh S, sinh năm 2005 (trú tại: Xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai) có mối quan hệ bạn bè. Đầu tháng 6/2023, S có mượn xe mô tô của T đi công việc; sau đó, đã trả lại xe cho T; lúc S mượn xe mô tô của T, thì T có mượn 01 điện thoại di động hiệu Oppo A31 màu đen của Công Minh S; T đem điện thoại đưa đi cầm cố lấy số tiền 1.500.000 đồng tiêu xài cá nhân và không chuộc lại điện thoại để trả cho S. Đến khoảng 19 giờ ngày 07/6/2023, Nguyễn Đức T điều khiển xe mô tô 60B7-694.14 đi từ L về hướng D; khi đến Ấp A, xã L thì gặp Công Minh S điều khiển xe mô tô biển số 60B7-65013 chở người ngồi sau tên Phan Tiến Đ. Khi thấy S đi ngược chiều thì T quay đầu xe và ép xe của S vào đường hẻm bên hông nhà thờ ở Ấp A, xã L; Nguyễn Đức T xuống xe mô tô và cầm 01 cây gậy (loại gậy đánh bóng chày bằng sắt, màu đen) có lời lẽ đe dọa, đòi đánh và buộc Công M S phải bỏ ra số tiền 1.500.000 đồng, để đi chuộc lại điện thoại Oppo A31 nêu trên; S không chấp nhận thì T tiếp tục dùng gậy đánh bóng chày đòi đánh nhưng S đã ôm người và giằng co gậy của T; T tiếp tục đe dọa sẽ đánh S nên S lấy điện thoại hiệu Oppo A3s màu đỏ để gọi điện cho người nhà nhưng không liên lạc được; lúc này, S để điện thoại này ở học xe mô tô của mình phía trước thì T quay lại lấy luôn chiếc điện thoại Oppo A3s màu đỏ của S, rồi lên xe bỏ đi. Công Minh S đến Công an xã L 25 trình báo sự việc.

2. Định giá:

Kết luận định giá tài sản số: 528/KL-HĐĐGTS ngày 09/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A3s màu đỏ đã qua sử dụng (đã trả lại cho Công Minh S) có giá trị 1.200.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số: 1347/KL-HĐĐGTS ngày 17/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A31 màu đen đã qua sử dụng (đã trả lại cho Công Minh S) có giá trị 1.300.000 đồng.

3. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 30-11-2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 27/2023/TB-TA ngày 29-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức T** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, bị cáo **Nguyễn Đức T** kháng cáo, đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

5. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Đức T** theo tội danh và điều luật bản án sơ thẩm đã nêu là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Hình phạt của cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Đức T** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Đức T** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự. Áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Không có tình tiết mới.

2.3. Về hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện vụ án, việc cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo **Nguyễn Đức Tình hình p** nêu trên là phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Tiếp tục tạm giam bị cáo **Nguyễn Đức T**, để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo **Nguyễn Đức T** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Đức T**;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 30-11-2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 27/2023/TB-TA ngày 29-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18-7-2023, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, từ ngày 08-6-2022 đến ngày 11-6-2022.

2. Về biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ khoản 3 Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam bị cáo **Nguyễn Đức T** theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Đức T** phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Quyết định của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Thống Nhất;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thống Nhất;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành